

Bản án số: 184/2020/HS-ST

Ngày 21-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp;

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Nguyễn Văn Thảo;

2 Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lê – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 173/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2020/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Hồng V , sinh năm 1982 tại: Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố B, phường Kh, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; bị cáo có vợ là bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1982 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2010;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 27/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 30 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, bị cáo được đặc xá ngày 31/8/2015.

Từ ngày 16/6/2019 đến ngày 10/7/2019 thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đến ngày 21/8/2019 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công

an thị xã Tân Uyên khởi tố, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn X , sinh năm 1980 tại: Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5 khu phố T, phường H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn X, sinh năm 1922 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1933; bị cáo có vợ là bà Trần Thị Th, sinh năm 1983 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 21/9/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 24 tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, bị cáo chấp hành xong ngày 03/7/2017.

Ngày 10/7/2019 thực hiện hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đến ngày 13/4/2020 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên khởi tố, bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2020 đến ngày 16/6/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam chuyển sang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 3, phường H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hồng V và Bùi Văn X có mối quan hệ là bạn với nhau.

Bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: khu phố 3, phường H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương) và V có mối quan hệ tình cảm với nhau. Trong thời gian quen biết nhau, V có nói bà H mua xe ô tô để V chạy xe dịch vụ, tiền thu được từ việc chạy xe dịch vụ V sẽ đưa cho bà H, thì bà H đồng ý. Đến ngày 15/4/2019, V đi cùng bà H đến phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương gặp bà Nguyễn Thúy Ph để mua xe ô tô hiệu Toyota Vios, biển số 61A-134.27 với số tiền 265.000.000 đồng. Khi gặp và được bà Phụng cho xem xe 61A-134.27 thì bà H đồng ý mua nên cả hai cùng đi đến văn phòng công chứng Nguyễn Thị G làm hợp đồng ủy quyền. Sau khi hoàn tất hợp đồng, bà H đã đưa cho bà Ph 265.000.000 đồng, bà Ph nhận tiền rồi giao xe 61A-134.27 và giấy tờ xe cho bà H. Sau đó, V điều khiển xe 61A-134.27 chở bà H đi về. Khi về, bà H giao xe 61A-134.27 và giấy đăng ký xe cho V để V chạy xe dịch vụ. Sau khi nhận xe thì V đã sử dụng xe mà bà H đưa cho để chạy xe dịch vụ,

trong khoảng thời gian chạy xe dịch vụ thì V có đưa tiền cho bà H được 03 lần với tổng số tiền khoảng 5.000.000 đồng.

Đến ngày 16/6/2019, do cần tiền tiêu xài nên V đi đến gặp X để cầm giấy đăng ký xe 61A-134.27, khi đến V nói đây là xe của vợ V, X kiểm tra giấy đăng ký xe thì thấy tên của người khác và biết đây không phải xe của V nhưng vì quen biết nên X đồng ý cầm giấy đăng ký xe 61A-134.27 và giao 65.000.000 đồng cho V, V nhận tiền rồi điều khiển xe đi về. Đến ngày 19/6/2019, V tiếp tục điều khiển xe 61A-134.27 đến nhà X để gặp X, khi gặp V nói X cầm xe 61A-134.27 cho V với số tiền 115.000.000 đồng thì X đồng ý. X giao tiền cho V và có viết giấy mượn tiền với nội dung là cầm xe 61A-134.27 tổng cộng số tiền 180.000.000 đồng. Sau khi V cầm xe 61A-134.27 thì bà H biết được sự việc nên đã hỏi V thì V nói xe 61A-134.27, V đã cầm nhưng bà H không tin nên ngày 26/6/2019, V đi đến gặp X. Khi đến, V gọi điện cho bà H và đưa máy của V cho X nói chuyện với bà Hòa, X hỏi bà H có phải là vợ của V không và nói V có cầm xe ở đây thì bà H trả lời không phải vợ mà chỉ là bạn, nghe vậy X không nói chuyện nữa mà trả máy lại cho V, V nhận lấy điện thoại rồi ra về. Sau khi V đi về thì bà H có gọi điện thoại lại cho X để yêu cầu được nhìn thấy xe 61A-134.27 nhưng X không đồng ý và nói X không biết, muốn thì đi cùng V đến. Sau khi được V gọi điện cho gặp bà H và bà H trực tiếp gọi điện gặp X để yêu cầu được nhìn thấy xe 61A-134.27 thì X biết rõ chủ sở hữu của xe 61A-134.27 không phải là vợ của V, xe này cũng không phải của V, việc V lấy xe đi cầm không được sự đồng ý của người này. Còn bà Hòa, sau khi gọi điện cho X để yêu cầu được nhìn thấy xe nhưng không được X cho xem nên đã yêu cầu V đưa giấy cầm xe để bà H xem, khi V đưa giấy cầm xe thì bà H đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương trình báo.

Đến ngày 10/7/2019, V tiếp tục đi đến nhà X để bán xe 61A-134.27 cho X với số tiền 70.000.000 đồng, chi phí làm giấy tờ do V chịu. X đã biết rõ nguồn gốc xe 61A-134.27 và việc V bán xe không được sự đồng ý của chủ sở hữu nhưng X vẫn đồng ý mua vì thấy xe đang còn mới, giá bán rẻ. Sau khi thống nhất về giá, V và X đi đến thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để gặp một người tên D (không rõ nhân thân) nhờ làm giấy tờ sang tên, khi gặp X đưa cho D số tiền 11.000.000 đồng để làm thủ tục sang tên. Sau khi gặp D, V và X quay về phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, do V còn thiếu X 300.000 đồng nên X đưa thêm cho V số tiền 58.700.000 đồng, V nhận tiền rồi đi về. Số tiền cầm và bán xe V đã tiêu xài hết.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên tiến hành triệu tập V, X lên làm việc và tạm giữ tài liệu đồ vật có liên quan gồm: 01 giấy mượn tiền; 01 giấy chứng nhận đăng ký biển số 61A-134.27; 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios, biển số 61A-134.27; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm; 01 giấy chứng nhận đăng ký kiểm định.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 221/KLTS – TTHS ngày 26/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Tân Uyên kết luận: 01 xe ô tô hiệu Toyota, số loại Vios, biển số 61A-134.27 đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 230.000.000 đồng.

Đối với xe ô tô hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát số 61A-134.27; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát 61A-134.27; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm; 01 giấy chứng nhận đăng ký kiểm định. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị H bị bị cáo Lê Hồng V chiếm đoạt nên ngày 17/9/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại các tài sản và giấy tờ trên cho bà Hòa.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo Lê Hồng V bồi thường số tiền 7.020.000 đồng (thiệt hại tài sản, chi phí đi lại), bị cáo Lê Hồng V đã bồi thường nên bà H không có yêu cầu gì khác.

Cáo trạng số 177/CT-VKSTU ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lê Hồng V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Bùi Văn X về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh như Cáo trạng và xác định sau khi phạm tội các bị cáo Lê Hồng V và Bùi Văn X thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Lê Hồng V sau khi phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo Bùi Văn X có cha là ông Bùi Văn Xất là người có công với cách mạng và được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V ; áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo X . Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử,

- Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hồng V từ 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 06 (Sáu) năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65, xử phạt bị cáo Bùi Văn X 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 250.000.000 đồng mà bị cáo Lê Hồng V thu lợi từ việc cầm và bán xe ô tô biển số 61A-134.27 của bà H cho bị cáo Bùi Văn X , đây là tiền thu lợi bất chính nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Lê Hồng V phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Hồng V và Bùi Văn X khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố và không trình bày lời bào chữa.

Nói lời sau cùng, các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt phù hợp cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Lê Hồng V và Bùi Văn X tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo trước sau thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như vật chứng thu giữ trong vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 16/6/2019 đến ngày 10/7/2019, tại phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, sau khi được bà Nguyễn Thị H giao xe ô tô biển số 61A-134.27 để làm phương tiện chạy xe dịch vụ, bị cáo Lê Hồng V đã lợi dụng sự tin tưởng của bà H thực hiện hành vi chiếm đoạt xe ô tô biển số 61A-134.27 mang đi cầm và bán cho bị cáo Bùi Văn X để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tại thời điểm chiếm đoạt xe ô tô biển số 61A-134.27 có giá trị là 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Ngày 10/7/2019, tại phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, sau khoảng thời gian nhận cầm giấy tờ và xe ô tô biển số 61A-134.27 cho Lê Hồng V (từ ngày 16/6/2019 đến ngày 26/6/2019), bị cáo Bùi Văn X đã biết rõ nguồn gốc xe ô tô biển số 61A-134.27, khi được bị cáo V gọi điện cho gặp bà H và bà H trực tiếp gọi điện gặp bị cáo X thì X biết rõ chủ sở hữu của xe ô tô biển số 61A-134.27

không phải vợ của bị cáo V, xe này cũng không phải của bị cáo V, việc bị cáo V lấy xe đi cầm, bán không được sự đồng ý của chủ sở hữu (là bà Hòa) nhưng bị cáo X vẫn đồng ý mua nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự, trị an tại địa phương, gây hoang mang, nghi kỵ trong quần chúng nhân dân nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, để có tác dụng giáo dục mọi người tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng và chống tội phạm, đối với các bị cáo cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã gây ra để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với mỗi bị cáo.

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, các bị cáo Lê Hồng V và Bùi Văn X thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Lê Hồng V sau khi phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo Bùi Văn X có cha là ông Bùi Văn Xất là người có công với cách mạng và được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V, áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo X khi quyết định hình phạt.

Xét thấy, bị cáo Bùi Văn X được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Đây là điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo X ra khỏi xã hội, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian nhất định nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios, biển số 61A-134.27; 01 giấy chứng nhận đăng ký biển số 61A-134.27; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm; 01 giấy chứng nhận đăng ký kiểm định. Đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị H nên ngày 17/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho bà H để tiếp tục quản lý, sử dụng, là phù hợp.

Đối với số tiền 250.000.000 đồng mà bị cáo Lê Hồng V thu lợi từ việc cầm và bán xe ô tô biển số 61A-134.27 của bà H cho bị cáo Bùi Văn X, đây là tiền thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo Lê Hồng V phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Hồng V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và bị cáo Bùi Văn X phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1.1. Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Hồng V 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2019.

1.2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn X 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 21/9/2020).

Giao bị cáo Bùi Văn X cho Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Buộc bị cáo Lê Hồng V phải nộp số tiền thu lợi bất chính 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Hồng V và Bùi Văn X mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thành Hiệp